TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 08 - 01 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy;

2. Ông Phạm Minh Hiếu;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 616/2024/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã R, huyện C, tỉnh Long An (Xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã R, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn T trình bày: Ông và bà Hoàng Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 15/3/2006 của Ủy ban nhân dân xã R, huyện C, tỉnh Long An. Đến năm 2021, bà Hoàng Thị H tự ý bỏ ông và các con để đi nơi khác sinh sống, làm ăn, thỉnh thoảng bà H có về thăm các con. Ông có nhiều lần khuyên bà H quay về đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý. Từ đó đến nay, ông và bà H mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 người con tên Đoàn Hoàng Ngọc H1, sinh năm 2005 và Đoàn Phong D, sinh ngày 22/02/2011. Từ khi bà H bỏ đi nơi khác sinh sống thì ông là người trực tiếp nuôi 02 con. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp

tục nuôi con chưa thành niên là Đoàn Phong D, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ông làm công việc sửa xe tại nhà, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, ông bảo đảm đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đoàn Văn T có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Hoàng Thị H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Hoàng Thị H vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn bà Hoàng Thị H có nơi cư trú tại xã R, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn T và bà Hoàng Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Năm 2021, bà H đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Nay, ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bà H vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T. Qua đó, xác định bà H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa ông T và bà H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn sống chung với nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Cho nên, hiện tại hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Văn T đối với bà Hoàng Thị H.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 người con chung, tên Đoàn Hoàng Ngọc H1, sinh năm 2005 và Đoàn Phong D, sinh ngày 22/02/2011. Con chung Đoàn Hoàng Ngọc H hiện đã thành niên nên không xem xét, giải quyết. Đối với

yêu cầu của ông T về việc được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên Đoàn Phong D, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại, H con đang sống với nhau và cùng sống với ông T, được ông T chăm sóc, nuôi dạy tốt. Đồng thời, cháu Đoàn Phong D cũng có văn bản thể hiện nguyện vọng được sống với ông T. Bên cạnh đó, ông T hiện có thu nhập ổn định, bảo đảm đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, bà H không có ý kiến phản đối về yêu cầu trực tiếp nuôi con của ông T. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông T là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận, giao con chung chưa thành niên là Đoàn Phong D cho ông Đoàn Văn T trực tiếp nuôi. Ông T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung; bà H vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét về các vấn đề này.

[3] Về án phí: Ông Đoàn Văn T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Đoàn Văn T với bà Hoàng Thị H.

- Về hôn nhân: Ông Đoàn Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

- Về con chung: Giao ông Đoàn Văn T được trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Phong D, sinh ngày 22/02/2011.

Sau khi ly hôn, ông T, bà H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Bà H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông T. Bà H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H. Ông T không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí ông Đoàn Văn T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013583 ngày 29/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương